

KINH KIM QUANG MINH VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 6 (Phần cuối)

Thứ lớp v.v... trở xuống là nói thứ lớp của phẩm, có như sau:

Nói chỗ trở về của các phẩm, là lý do có phẩm này. Vì sao v.v... trở xuống là giải thích thứ lớp các phẩm. Phẩm Tựa nói về Đại thể v.v... là y sở này mà giải thích, kinh nói có năm chương. Nay chỉ nói thể bởi chỉ cực quả sở du sở khế vừa cao vừa rộng. Pháp tánh là sở chứng của địa vị Phật, là Đại thể của kinh này. Sau Thọ Lượng đến các phẩm Công Đức đều chẳng nêu đại Trí, đại Dụng. Nói cùng nguồn là lý trong Diệu giác đã cùng tốt, việc bờ mé cũng cùng tốt. Cho nên Chứng Trí mất chiếu, muôn hạnh đều thôi. Ấy chỉ là một tánh, không có gì khác, cho nên nói là Đại thể của kinh. Thọ lượng quả Địa hai trí đã tròn cho nên nói thể sâu rộng mà khởi dụng dài ngắn. Sấm khen không dẫn dắt đâu vượt đại dụng, các phẩm công đức không trái với ứng thể. Cho nên sau đó nói đều là năng lực của Kim Quang Minh. Như vậy v.v... trở xuống là bày ý khen văn này nói lý do lợi ích của mười bảy phẩm trên. Cho nên có v.v... trở xuống là lời khen có sáu mươi hai bài. Khéo từ đầu đến cuối, trước sau đều tốt. Ba phần như tựa v.v... đều được lợi ích. Cho nên ba Bồ-tát biết ân Phật mà ngợi khen, do đó mà có phẩm Tán Phật, khiến cũng là tốt. Ba là giải thích văn, có hai: một là nêu khoa, hai là giải thích nghĩa, có hai:

1. Kinh gia trình bày, Văn Sở rất dễ thấy. Kinh chép: Từ đây đến nước Kim Bảo Cái là muốn nêu Bồ-tát có nhiều trong chúng đều khen Đức Thích-ca giáo chủ. So đây thấy có người chẳng hiểu ý này cho là khen Phật kia, Kinh sơ chẳng tối nghĩa sao chỉ một mình mê muội. Hoặc sợ người học sau tùy người khác giải thích, giải thích sai văn kinh. Nay lược dẫn sơ chỉ bày. Lý do có phẩm Tán Phật là vì ba phen Bồ-tát đều từ nghe kinh trên mà được lợi ích cho nên khen Phật và giáo đâu liên quan đến Phật khác. Huống chi là sơ chép: một Phật là Năng Tán. Nếu cho rằng khen Phật là khen một Đức Phật thì đâu chỉ nói Phật Thích-ca.

Kinh số đều không nói cho nên chẳng trích dẫn.

2. Chính là nói kệ, lại có:

- Chia văn giải thích riêng, có hai:

Một là Chia văn, tức Trí giả ở tựa đề chia kệ, cho nên hợp sáu mươi lăm bài rưỡi chia thành ba, tức lấy văn kinh Như Lai xuất định khởi ba hạnh hợp với đoạn thân cây, cho nên nói hai mươi tám bài rưỡi thân cây nói. Văn chia rất dễ thấy. Số không giải thích cho nên chú v.v... phải nói sáu mươi lăm bài rưỡi. Văn có hai: một là sáu mươi hai bài rưỡi ba phen Bồ-tát nói.

Hai là ba hàng sau là Như Lai xuất định, nói từ Định dậy. Cho nên sau đó Chương An giải thích chung, bèn nói văn ấy có bốn tức là nghĩa này. Đây đủ như v.v... trở xuống là giải thích.

Kế là Giải thích nghĩa có ba, nhưng lời khen của ba phen Bồ-tát Số chẳng chia ra giải thích. Người hiểu ắt lợi ích đều sáng. Số kẻ mới học chẳng hiểu, nay giải thích sơ lược: một là các Bồ-tát khen, có như sau:

- Mượn gởi lời khen, có ba:

- Khen Năng Thuyết giáo chủ tự làm công đức, có ba:

1. là khen tướng lớn Kim Sắc quang (Ánh sáng và sắc vàng ròng). Kinh nói thân Như Lai là nêu khởi. Ba câu như Sắc vàng mâu nhiệm v.v... là khen một tướng lớn của sắc vàng mâu nhiệm thứ mười bốn.

2. Thân thanh tịnh v.v... trở xuống, hai bài rưỡi là khen thân thanh khiết ba tướng nhỏ. Kinh nói thân thanh tịnh tức là một tướng nhỏ thân thanh khiết thứ mười một. Mềm mại là khen một tướng nhỏ thân mềm mại thứ mười hai. Hai câu Viên Túc vô cấu là khen tướng thân đầy đủ thứ hai mươi cũng là khen dung nghi đầy đủ.

3. Âm thanh ấy trở xuống v.v... hai bài là lại khen Phạm âm là một tướng lớn. Cũng là gồm khen tiếng nói sâu xa là một tướng hải. Phạm thính là ví tiếng Phật sâu xa. Tiếng sư tử rống là ví tướng Phật vô úy (không sợ). Đại lời chấn thính (tiếng sấm sét lớn) là ví tiếng Phật phá mê. Nói sáu thứ tiếng, các văn đều nói tám âm: Một là rất hay, hai là dịu dàng, ba là êm tai, bốn là tôn tuệ, năm là chẳng phải nữ, sáu là chẳng sai lầm, bảy là sâu xa, tám là chẳng cạn. Người dịch thêm bớt chẳng cần hòa hợp. Cũng có thể trước nêu điều như phạm thính (tiếng phạm) là tiếng Phật sâu xa trong tám âm. Sư tử hống, đại lời chấn tức là âm không phải nữ. Vì Phật trụ trong định Thủ-lăng-nghiêm thường có đức của thế hùng, xa lìa tâm yếu hèn, cho nên tiếng nói ra điều khiến người nghe kính sợ. Thiên ma ngoại đạo đều quy phục. Trên đã nêu hai

thứ tiếng, dưới chỉ nói sáu thứ tiếng, tức là nêu sáu thứ tiếng như Ca-lăng-tần-già, chim công v.v.... Vì Ca-lăng-tần-già, Hán dịch là cực hảo thanh (tiếng rất hay).

Kế là Thanh tịnh v.v... trở xuống một bài rưỡi là khen tôn đặc. Trên dùng tướng lớn nhỏ mà khen bởi cảm thân tướng lớn nhỏ đều khắp. Lời ý tuy chứa tôn đặc mà chưa bày. Cho nên nay lại khen thân tướng ánh sáng đều vô hạn. Kinh nói oai đức là tướng uy nghiêm vọi vọi.

Kế nữa là Trí tuệ v.v... trở xuống hai câu là khen công đức trí đoạn. Hai câu trên là khen trí đức, một câu dưới là khen đức dứt.

Tiếp là Thế Tôn v.v... trở xuống là kết chung tôn đặc. Đại luận nói thân Phật Tôn đặc là uy nghiêm vọi vọi ví như núi Tu-di sừng sừng sáng rõ giữa biển khơi, các tướng tốt lớn nhỏ cũng đều nguy nga vọi vọi. Nhưng Như Lai tự hạnh đầy đủ công đức ba thân, các Bồ-tát chỉ khen ngợi là tôn đặc. Trên hợp dưới ứng đã nhiếp ba thân. Đây khen là Trí xảo. Người học hãy suy nghĩ.

- Vị chư v.v... trở xuống sáu bài rưỡi là khen lợi ích giáo pháp độ người, có hai:

- Nói lý nói giáo, ở văn thấy rõ. Kinh bản dịch mới chép: vì muốn lợi ích các chúng sinh nên thường thực hành pháp thí, cho đến khiến được Đại quả chứng Thường, Lạc. Hai là khen chỗ nói giáo pháp, có hai: Một là hai câu từ Như Lai v.v... trở xuống, là khen Tông thể của kinh. Thể chỉ phẩm tựa Như Lai đã dạo chơi rộng sâu không giới hạn, vượt các nhân lý nên gọi là nghĩa sâu bậc nhất, nêu sâu gồm rộng tức là sâu xa vô lượng. Tông chỉ Thọ lượng Cực quả đã được thì hơn các Bồ-tát nên gọi là bậc nhất. Pháp Báo Thể là một, nghĩa sâu nên biết. Hai là khen Lực Dụng của kinh, có ba:

1. Hai câu như Năng linh v.v... trở xuống là khen phẩm Sám ở trên dứt ác. Vắng lặng là diệt hết các hạnh nghiệp ác, diệt hết các quả báo khổ.

2. Hai câu như Năng cho v.v... trở xuống là nói phẩm Tán ở trên sinh thiện. Trên là Như Lai nói xưa Long Tôn khen Phật, ý là đương cơ ngày nay sinh thiện cho nên đem đến vô lượng niềm vui.

3. Khen phẩm Không dẫn dắt, có hai:

Một là Năng diễn v.v... trở xuống một bài là khen năng dẫn dắt pháp không mầu nhiệm. Kinh nói Cam Lộ tức là thuốc mãi mãi không chết, văn giải thích trung Đạo Diệu không Thật Tướng Chân-đế, vượt qua hai chết mê biến sinh ra bốn đức thường thân. Cho nên lý không

này tức gọi là Cam lộ, nhưng do thể Nhiễm vốn là tịnh không nên gọi là pháp mâu. Theo đây mà vào gọi là pháp môn.

Hai là Năng nhập v.v... trở xuống hai bài là khen sâu dứt ác sinh thiện. Sám được không này thì quả báo ác hoạn của chết liền hết thì sẽ vào nhà ba Đức Niết-bàn, nói giải thoát có hai ý. Nếu giải thoát được ràng buộc của hoặc nghiệp thì tức là phá ác, nếu lấy thanh tịnh vô nhiễm tự tại tức là sinh thiện. Độ ba hữu v.v... là phá ác sinh thiện rất dễ hiểu. Ba là kết khen người pháp. Là công đức trí tuệ là kết trên khen giáo chủ Năng Thuyết là người tôn diệu. Từ bi tinh tấn là kết trên khen giáo pháp Sở Thuyết là pháp sâu rộng Tông Dụng của pháp như thế, đây đều là Từ Bi tinh tấn tạo nên.

Kế là dứt lời khen, có ba:

1. như thế vô lượng v.v... trở xuống một bài là dứt lời khen, cho nên chẳng thể xưng kể, nói dụ.

2. Các vị trời, người đời v.v... trở xuống hai bài là dứt lời khen. Cho nên nghĩ suy hết mức chẳng thể biết được phần nhỏ như một giọt nước biển khơi.

3. Nay ta lược khen v.v... trở xuống một bài là chỉ rộng kết khen, dễ dàng thấy rõ.

Kế là nếu công đức ta v.v... trở xuống một bài là khen xong mà hồi hướng. Hồi hướng có ba nghĩa, hiện văn có hai, lý gồm có ba rất dễ thấy.

Kế là nói Tín Tướng, có hai: một là nhà dịch kinh kể, hai chính là nói kệ, có hai:

1. Thế Tôn v.v... trở xuống một bài là khen chung tướng hảo công đức. Số ngàn là nêu số lớn.

2. Khen riêng tướng hải lớn nhỏ, có năm: một là khen riêng hai thứ tướng sáng, có hai:

Một là Sắc tịnh v.v... trở xuống bốn bài là khen sắc tướng sáng màu vàng ròng thứ mười bốn. Ánh sáng rực rỡ v.v... trở xuống tức là tướng ánh sáng phát ra từ thân thứ mười lăm. Nhưng hai tướng ánh sáng này nếu theo sinh thân thì đều có giới hạn. Như nói thân quang mỗi phía đều phát ra xa một trượng. Nay nói sáng như ngàn mặt trời cho đến đều chiếu xa đến vô lượng cõi Phật. Cho nên biết Tín Tướng xưa là Long Tôn khen Phật tôn đặc. Phát nguyện ở vị lai được gặp Đức Thích-ca. Ngày nay khen Phật chẳng lẽ lại quên gốc xưa. Ấy là tướng lớn tướng nhỏ đều nhờ tôn đặc mà khen.

Hai là năng diệt v.v... trở xuống một bài, là nói ánh sáng đầy đủ

để ban cho và nhờ gốc khổ là Long Tôn khen thân Phật phát ra ánh sáng rực rỡ mà diệt hết tất cả khổ trong ba cõi giúp các chúng sinh đều được vui sướng. Ngày nay khen Phật lại khen ánh sáng cứu khổ ban vui, trong văn dễ thấy rõ.

Kế Các căn v.v... trở xuống một bài là khen chung các căn tướng tốt, như trong tướng lớn có thân đoạn thực, da mỏng mịn, lưỡi lớn che trùm cả mặt răng trắng khít khao đều đặn, mắt như kim tinh, lông mi như râu đầu đàn, trong tướng nhỏ có mũi cao đẹp hai lỗ kín, dái tai tròn dài, thân thơm sạch mềm mại, các căn chiêm ngưỡng đều không thỏa mãn.

Kế lại ví khen, tướng nhỏ có hai:

1. Tóc xanh hồng v.v... trở xuống một bài là khen tướng tóc. Khổng tước Đảnh phong vương tóc đều có màu xanh. Như trong tám mươi vẻ đẹp thì có màu tóc như châu xanh đẹp đẽ.

2. Thanh tịnh v.v... trở xuống một bài rưỡi là nói công đức thanh tịnh, từ bi vô lượng, thiền định đều trang nghiêm từ lâu, cho nên tóc đẹp mềm mại.

- Lại nói tướng tốt công đức, có:

1. Nói tướng tốt đủ công đức, có hai:

Một là Tướng tốt v.v... trở xuống một bài là nghiêm thân được quả dụng, rất dễ thấy rõ.

Hai là Như Lai v.v... trở xuống hai bài là nói công đức nhiếp sinh cảm tán, hoặc tướng tốt, vẻ đẹp, tùy lớn tùy nhỏ đều có khả năng điều phục khiến tâm nhu nhuyễn hưởng các vui sướng, cho nên được chư Phật khen ngợi.

- Ánh sáng ấy v.v... trở xuống hai bài là nói ánh sáng đủ công đức. Công đức cao rộng cũng như núi Tu-di xuất hiện trên biển lớn.

- Răng trắng v.v... trở xuống hai bài rưỡi là lại ví khen răng tốt hai tướng lớn.

- Thân cây nói, có hai:

1. Người dịch kinh kể. Nói thân cây Bồ-đề Đạo tràng, tức nơi Như Lai thành đạo ở dưới cây này. Nhưng cây vốn tên là Tất-bát-la Phật ngồi dưới cây đó mà được trí quả Bồ-đề nên đặt tên này. Vì thế nay Thiên nữ nương cây này mà trụ, cũng lấy đó làm tên. Tây Vực Ký nói: Xưa Phật ở đời, cây này cao mấy trăm thước bị chặt phá nhiều cũng còn cao bốn, năm trượng, thân cây màu vàng trắng, nhánh lá xanh rờn, Đông Hạ không tàn, xanh tươi không đổi màu. Mỗi năm đến ngày Như Lai Niết-bàn thì lá héo rụng, khoảnh khắc rồi lại như xưa. Cây này ở

nước Ma-kiệt-đà Trung Ấn Độ nằm về phía Tây Nam thành bốn trăm dặm, cách chỗ tu khổ hạnh không xa đều có cây này.

2. Chánh nói kệ, lại có:

Một là hai câu khen chung. Nam mô là từ ngữ quy mạng. Thanh tịnh thì luận Phật Tánh nói có hai thứ: một là tánh tịnh, vốn không có hoặc nhiễm. Hai là tướng tịnh, đối trị lìa tướng. Nay khen chung Như Lai Trung Biên Trí mãn, pháp thân, Báo thân, Ứng thân tròn đầy, nên gọi là Vô thượng Chánh giác.

Hai là khen riêng, gồm có:

- Khen rộng giáo chủ Năng Thuyết, có ba:

Một là Sâu xa v.v... trở xuống một bài rưỡi là ở Sở giác mà hiển bày khen Pháp thân Phật. Diệu pháp sâu xa là pháp tánh cao rộng, các pháp dung diệu, Viên trí viên giác khắp tất cả chỗ, các chương tà nhiễm vốn tự xa lìa. Như Lai thuận theo lý này mà giác liễu hiểu rõ tánh ấy. Tất cả ngoại ma Niết-bàn chẳng phải pháp. Thiền giới phi đạo chẳng phải đạo cũng như cây lớn rễ sâu đất dày, chỉ có đại trí Kim cương của Phật mới cứu giúp nhổ lên được. Thành Phật Chánh giác gọi là Đại pháp thân cởi mở ràng buộc. Nhưng y theo viên Phật Đại Trí hiểu rõ Bản tánh chẳng phải pháp chẳng phải Đạo, phải lìa bảy phương tiện của ba thừa. Niết-bàn chẳng phải là pháp, giới định chẳng phải là đạo mới gọi là xa lìa tất cả. Pháp tức là quả báo sở sinh. Đạo tức là Nhân Đạo Năng sinh. Nếu chưa lìa Tướng phần vô minh thì đều gọi là chẳng phải.

Hai là Biết có v.v... trở xuống hai bài rưỡi là ở Nang giác Trí Hạnh mà khen Báo thân Phật có ba: một là y cứ pháp. Biết có v.v... trở xuống hai câu là khen báo Trí. Biết (tri) là chiếu. Hữu tức là tục, phi hữu tức chân, Bản tánh thanh tịnh tức trung. Dùng trí Nhất thiết chủng mà xét chiếu ba đế, thì thâm khế hợp sâu rộng sự lý cùng tột, gọi là Phật Vô Thượng Báo Trí. Ít có v.v... trở xuống hai câu ít có là khen công đức trợ hạnh của Phật. Lại nói ít có ít có là trịnh trọng khen tốt. Sau đều lệ theo đây. Trong nhân giới định muôn hạnh có năng lực bài dẹp chướng địch chống ác nên gọi là Công. Giúp phát Đại Trí thành Đại quả Phật nên gọi là đức. Kinh Pháp Hoa nói: Tu nghiệp lâu mà được tức là Vô Thượng Báo, nên gọi là Như Lai công đức.

Tiếp là Ít có v.v... trở xuống một bài là y cứ Dụ, tức dụ Báo thân Trí hạnh ở trên. Biển lớn là dụ cho Trí, Tu-di dụ cho hạnh, trí ấy thâm hợp với lý, cùng tột đáy thật tướng mới gọi là Biển lớn. Thích Luận gọi là Trí độ, Biển lớn Phật biết tận đáy trong nhân muôn hạnh chứa nhiều công đức, Dụ nói Tu-di kia như Hoa Nghiêm Niết-bàn, đều nói chỉ

xương viết kinh chất đầy như núi Diệu cao.

Ba là Ít có v.v... trở xuống một bài rưỡi là ở thùy thế hình ích mà khen Ứng thân Phật. Hoa Ưu-đàm, gọi đầy đủ là Ưu-đàm-bát-la, đây là nói điềm lành, cũng gọi là điềm linh. Khi Luân vương ra đời thì cảm có hoa này nở. Kinh nói trong Diêm-phù-đề có cây chúa đáng tôn quý tên là Ưu-đàm-bát-la, có hạt mà không hoa, cây Ưu-đàm-bát-la có hoa vàng thì thế gian có Phật. Cho nên nói: chỉ hiện ra một lần. Vô Lượng Đại Bi là thùy ứng Bản, vì đại Bi nên không trụ Niết-bàn.

Kế là Thích-ca v.v... trở xuống một bài rưỡi là lược khen giáo pháp được nói. Như Lai sắp muốn nói pháp ý nghiệp liền xét cơ như mặt trời chiếu vật đều khắp. Vì muốn lợi ích, y theo lực dụng của Kim Quang Minh phải nói mười thứ lợi ích mới hết ý ra đời nói pháp. Ba là thỉnh Phật xuất định, có hai: một là lành thay v.v... trở xuống hai bài là đối với quả Phật khen chỗ nhập định. Các căn vắng lặng. Vì hiểu tánh của mắt v.v... nên thường đủ không giảm tu. Các hoặc tử sinh đều đã vắng lặng cho nên thường ở tịch định. Mà còn du nhập là đem pháp luân biểu thị cho không nói dối. Lại Phật ba đời nói phải nhập định. Cho nên Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: Tuy biết các pháp thường là tướng định mà chỉ bày chúng sinh các thiền khác nhau. Nói thiện tịch là chánh khen chỗ nhập định, tức hưởng về pháp tánh Tam-muội của kinh, nếu nhập vào định này thì khó hiểu các pháp. Vì vắng lặng đều là pháp tánh nên phòng quấy sinh tử mà chế ngự Niết-bàn. Tức Trung đạo thiện tịch mà gọi là thành lớn. Cũng gọi là Tam-muội Vô cấu thanh tịnh v.v... Đã là cảnh giới Phật mà được gọi tên Vô cấu thanh tịnh, vì là chỗ làm của chư Phật.

Kế là Nói hành tướng năng không của Tam-muội. Kinh này tuy là kết về Phương đẳng nhưng nói ra sau thời Bát-nhã, Sám khen thiện ác đều suy ra không đạo. Cho nên phẩm Không gọi là vô lượng. Các kinh khác đã nói rộng về Không, cho nên trong kinh này cũng nói không, là môn nhập Lý. Phật du Tam-muội cũng từ Không mà vào. Hàng Thanh văn tuy từ không mà vào nhưng còn bị thân quả buộc ràng. Như Lai trí không nên thấy rõ quả trí Thanh văn tánh tướng đều không. Cảnh giới chư Phật cũng không, như thế tất cả vô lượng các pháp, chỉ trên là tự tha y quả quốc Độ tịnh uest mà suy ra Tánh Tướng chẳng thấy khác nhau, tất cả cảnh giới Y Chánh của chúng sinh cầu tìm tánh tướng đều đồng chân tịnh, không có gì khác lạ. Song suy tánh tướng, tức là không quán mà yếu môn trái tình hiển lý. Một nhà nói quán các chỗ cùng luận như người giảng học cũng lắm mê muội. Nay ta nhân Dụng thì y Trung Luận,

Trí luận, y theo Lý, y theo Nghĩa mà khai thác quán môn, cho nên đối với quyền giáo, Thật giáo, Sự quán lý đều sáng tỏ, người học phải biết. Lại như tánh tướng hai không vốn là một không quán pháp đủ khiến tình chấp, cho nên có hai phen hành tướng. Thế mới biết nếu khéo tu một không quán thì khiến được hai thứ chấp tánh. Kinh Khê nói phải vô tánh tánh vô tánh tướng. Các văn là luận về tánh tướng, mượn trước nói sau, cho nên dùng hai Đế mà chia. Bèn nói bốn câu song tánh chẳng thấy tánh là Thế đế phá tánh. Bốn cú suy tên chẳng thấy tên là Chân-đế phá tướng. Tướng phá tức tướng không. Kinh Khê giải thích rằng: nếu có tánh chấp đời mà không phải Đế, phá tánh chấp đời rồi gọi là Đế, cho đến gọi là Thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có tên gọi. Tên thì là giải giả tức tướng ấy là Tướng không, cho nên quán lý chứng chân gọi là Chân-đế phá tướng. Không chẳng có trước sau, hai Đế đồng thời. Cho nên biết tánh chấp phá rồi, tuy gọi là Thế đế. Sơ chẩn quán ấy tức phải quán chân. Bốn là Câu suy tánh tuy chẳng chấp tánh, nếu như hoặc còn thì chuyển chấp tên ấy. Đã chẳng thấy lý chỉ gọi Thế đế. Nếu vẫn pháp tánh chân lý phá tướng danh trị. Tướng chấp phá rồi mới chứng chân ấy. Cho nên gọi là Chân-đế phá tướng. Hoặc mới quán Chân-đế bốn câu, suy tánh liền hiểu ấm giới sắc tâm danh tự không có tướng bốn câu, tức gọi là Chân-đế phá tánh phá tướng, há đợi chuyển quán phá tướng mới dùng Chân-đế? Nếu thế, suy tánh vì sao lại gọi là chẳng tự tha cùng bằng nhau. Suy tướng tự gọi là chẳng có trong, ngoài, khoảng giữa v.v... Cú pháp đã khác hẳn Lý Dụng quán tự khác, sao bảo chỉ mười bốn câu quán không phá hai thứ chấp?

Đáp: Vừa bảo mượn trước nói sau đối chỗ phá Chấp tướng cho nên suy tánh thì bảo chẳng tự tha v.v... Suy tướng bèn nói chẳng trong ngoài v.v... thì khảo sát quán môn đâu có đường khác. Cho nên Kinh Khê nói: trong chỉ là nhân, ngoài chỉ là duyên, hướng chỉ quán nói tánh không quán xong. Bèn dẫn Trung luận bốn câu: Các pháp chẳng tự sinh v.v... làm chứng, đến khi nói tướng quán không xong. Cũng dẫn luận này bốn câu các pháp chẳng tự sinh v.v... Lấy đây mà chiếu xét thì phải không có quán khác. Lại chỉ quán chỉ gọi chung một không quán, tức là hai không quán.

Hỏi: Pháp Hoa Sơ y cứ chân tục giả thật mà nói sinh không, pháp không. Kinh Khê giải thích rằng: Chân-đế tức pháp không, Tục đế tức sinh không. Tục giả chân thật bèn dẫn Huyền Văn Thế đế phá tánh. Chân-đế phá giả, giả phá tức tướng không, tánh phá tức tánh không làm chứng. Nếu dùng tánh tướng hai không chỉ một không quán, sao lại dẫn

Nhân không, pháp không mà đối hiển hai Đế? Vì khi nhân không thì cũng chưa pháp không, cho nên Tánh không tướng không. Nếu lệ Nhân pháp đều không thì hai chẳng phải khác. Sao bảo tánh không chưa hiển Lý thì tướng không chẳng khác quán?

Đáp: Tiểu thừa khi được nhân không thì cho chưa được pháp không. Như nói thấy hoặc nếu phá thì được quả Tu-đà-hoàn, gọi là được sinh không. Đây thì ít hiển Chân lý, phải tiến lên phá tư hoặc mới được pháp không, Lý đó hiển bày rất ráo. Còn Đại thừa nhân pháp cảnh dung, quán Đạo chẳng khác. Như Đại Phẩm nói: Sắc tánh như ngã tánh, ngã tánh như sắc tánh, bốn ấm như ngã dụng, quán cũng như thế. Dầu có hoặc phần thô tế chấp phá trước sau, khi dụng quán thì không khác. Mà pháp Hoa Sơ y cứ nhân không pháp không gọi là hai Đế, là đối Sở phá mượn chia Chân tục. Cho nên dẫn Thế đế phá Tánh gọi là tánh không, Chân-đế phá tướng gọi là tướng không làm chứng. Còn Dụng quán hành tướng rõ ràng thì phải đối với ngã nhân mà sinh cảnh phá tánh, phá tướng mới được sinh không. Lại đối với pháp ấm, giới, nhập mượn tục mượn chân, suy hai không này biết chân lý này thì gọi là Pháp không, mới gọi là Dụng quán hành tướng đều rõ ràng. Nên chỉ quán nói: Đối với tánh tướng mà tìm ấm, giới, nhập chẳng thể được, là pháp không. Nhưng sở dùng Tục đế đối với Sinh không, là bởi sinh không này thể là pháp chấp, cho nên dùng Tục Đế hiển Tướng không này. Cho nên nói Tục giả, giả tức là luống dối. Pháp chấp nếu phá vọng nhiệm dứt hết thì mới gọi là Chân-đế. Cho nên nói Chân thật. Thật tức rất ráo, Kinh kê hiểu ý này của Sơ, lại dùng Huyền Văn mượn Thế đế nghĩa tánh không v.v... mà làm chứng. Cho nên nói Chân tục chẳng hai, hai không đồng lúc.

Hỏi: Đã nói hai Đế chẳng hai, hai không đồng lúc thì là một Lý một không, sao lại chia ra hai Đế và nói hai không?

Đáp: Thật ra chỗ hiển Lý là một, năng quán quán cũng một, là đối Sở phá chấp nên chia ra hai mượn hai không. Vì hiển không cạn sâu mà nương gá hai đế, thế nên trong tánh tướng không, tánh không y cứ Lý, lý đã chưa hiển chỉ gọi là Thế đế nói về không, không cũng chưa cùng tận, chỉ gọi là tánh không, vẫn đối với thế pháp lại quán Chân-đế phá chấp này gọi là Tướng, Tướng nếu phá rồi Lý hiển thì mới gọi là Chân-đế, quán thành mới gọi là Tướng không. Cho nên mượn hai Đế mà hiển tướng hai không, đối sở phá mà chia chân tục, thì là mượn hai đế nói hai không nhân pháp. Y cứ theo lý cũng thế. Ấy là nhân không không chưa thật, bèn mượn tục mà hiển bày. Cho nên nói Tục đế tức sinh không.

Pháp không không đã xong tịnh mà mượn chân hiểu, cho nên nói Tục đế tức sinh không. Pháp không không đã xong, tịnh mà dùng chân hiểu, cho nên nói Chân-đế tức là pháp không. Hướng chi lại tuy Dụng sinh quán pháp cùng dung nhau mà chiếu cảnh Chân tục chẳng hai, như chúng sinh từ vô thủy thường sinh đắm cảnh, khởi chấp Ngã, quán chẳng hai cũng ở sinh cảnh thì trước phải dụng. Cho nên khi phá nhân chấp lại gọi là sinh không. Đã có pháp chấp lại quán pháp ấy vốn không có chấp, là tướng bốn câu mới gọi là pháp không. Cho nên Đại sư bảo thí giác nhân không, chung giác pháp không. Nhưng hai đế này hiển tướng hai không, giáo Thông viên hành tướng cũng đồng, nhưng thông dụng quán ấy chỉ chiếu chân lý, cho nên mượn tục mượn chân để hiển tánh hiển tướng, nói hai không này chỉ ở Chân lý mà giáo viên thật thể sinh thể pháp, suy tánh suy tướng, chỉ là Trung đạo pháp tánh, pháp tánh là vô sinh, vô tánh gọi là Thế đế phá sinh phá tánh. Sinh này tánh này tức là pháp. Pháp Thế vốn không gọi là Chân-đế, phá pháp phá tướng. Chỉ mượn hai đế đều dùng Trung đạo để bày hai không. Thông không có quán này, người học nên suy nghĩ. Nhưng nói rõ hai không, suy Sở chấp Năng, Nhân chấp tùy pháp chấp mà mất, đủ như văn trong Sở phẩm không ở trước đã nói.

Kế là Phàm Ngu v.v... trở xuống hai câu đã chỉ, phàm ngu chẳng rõ thỉnh hiện, ở trên khen Phật đã đạo Tam-muội không Trí, khắp hiểu các Hữu khác nhau, thấy đều mất hết, chỉ có Chân trí riêng còn lại, không có nhiễm khác. Thân cây phần hiểu thương xót, phàm mê cuồng loạn ngu si, chẳng hiểu tánh tướng đều không, cho nên thỉnh Phật xuất định.

Kế nữa là nhớ xưa thường nguyện thấy, là chánh thỉnh xuất định, có bốn: một là con thường v.v... trở xuống năm hàng là chánh thức kể lại nguyện xưa thỉnh hiện. Con thường niệm Phật. Niệm là tên khác của quán chiếu, Tâm đạo pháp giới thường chiếu ba thân. Kể quán lực xưa chưa đủ, muốn cầu thân chứng cho nên giúp dùng thệ nguyện, chấp tay quỳ lạy vô cùng kính mến khóc lóc như mưa, tu hạnh đại Bi là giúp quán thường niệm. Nói tối thượng đại Bi, tức là vô duyên Bi, chánh trợ gồm tu nên gọi là Tối thượng.

Hỏi: Thân cây trong hội nói thấy Như Lai nhập định nói pháp, sao nay mới nói là muốn thấy Phật?

Đáp: Có hai ý:

1. Như Lai nhập định vốn là để nói kinh. Nói kinh xong rồi thì phải xuất định, muốn xuất định thì phải có người thỉnh. Cho nên Phật xuất

định ấn chứng ba phen nói ra lời gì đều thật. Đã một hẹn xong xuôi. Thân cây hết lòng thỉnh mời. Cho nên nói xưa thường nguyện thấy, lại thêm nguyện hạnh, muốn khiến vị lai cũng được thấy Phật. Cho nên nói nguyện thân con thường được thấy Phật.

2. Thần Cây từ lâu đã phần thấy chân thân Như Lai, muốn thêm quán niệm Phật nên lại cầu trên chứng, cho nên mượn thỉnh Phật xuất định mà thường muốn thấy. Nếu được Như Lai đáp lời thỉnh hiển bày thân, tức trong tâm mình chân Phật hiển phát rõ ràng. Cho nên sau kết rằng: Cúi mong Từ Bi vì con hiện thân, hai là y cứ đầy đủ Từ Bi thỉnh hiện, có ba:

a. Thế Tôn v.v... trở xuống hai bài là nói Từ Bi che chở tối tăm. Thân cây tự mê muội chân thân thượng vị của Như Lai, cho nên thỉnh Phật che chở, khiến thân con thường được thấy Phật. Lại thương người khác mê mờ không thấy được chân thể của Phật, nên nói Thế Tôn thường che chở tất cả. Tâm khát ngưỡng muốn thấy, liền dẫn dắt mình và người thỉnh Phật hiện thân.

b. Thanh văn v.v... trở xuống một bài rưỡi, là y theo Thánh phàm chưa phát tánh sáng. Tức Thần cây nay thỉnh Phật xuất định. Phật tuy ở trong định nhưng biết rõ tánh tịnh, giống như lưu ly trong ngoài thông suốt. Chiếu cơ khởi ứng đều chẳng động vắng lặng. Như Lai tuy rõ biết đã lâu, như chúng sinh kia chưa phát định trên. Cho nên thần cây thỉnh xuất hiện để phát ngộ cơ này. Bèn nêu sáu dụ hiển sắc thể Thanh văn, chẳng phải là tánh minh thể. Chân lý đã chứng vắng lặng vô tri, như hư vô của không, cũng như khói lửa của đèn. Như huyễn của ảo thuật, như vang của tiếng, như sự biến hóa của thần thông, như trăng đáy nước, đều chẳng phải thật tánh, không thể tức tịnh tức hiện. Tánh của chúng sinh là luống dối hiện tại như việc thấy trong mộng đều không có thật tướng.

c. Y theo Phật nói thấy thỉnh hiện, chính là nói chỗ Phật nhập định đủ tâm thương xót chiếu soi, cho nên thỉnh Như Lai xuất định khiến con và chúng sinh được an vui.

Kế là Tất cả v.v... trở xuống một bài rưỡi, là thương phàm Thánh chẳng biết thỉnh hiện. Thần cây vì phàm phu Tiểu Thánh cùng mê, chẳng biết chỗ Phật đạo cảnh giới, cho nên thỉnh Phật hiện thân. Tức khiến nói thấy chỉ tâm Phật hiện. Kinh nói Thần tiên có năm thông, là riêng nêu người có thuật thành tiên phát được năm thông, tuy có tha tâm tức mạng mà không biết định mà Phật đạo chơi. Y theo lý khởi ứng chẳng lừa tâm thể chúng sinh. Nhị thừa Vô Lậu tuy có ba minh sáu

Thông cũng mê muội cảnh Phật duy tâm, cho nên nói cũng chẳng thể biết rõ. Bốn là nay ta v.v... trở xuống một bài là chỉ đã tin không nghi mà thỉnh hiện. Thần cây nói xong, đối với chỗ Phật hiểu rõ hoàn toàn không chê chướng ngại. Tuy cùng mê muội cảnh Phật thật có động tịnh cho nên liền thỉnh xuất định rằng: Cúi mong Từ Bi vì con hiện thân.

Hỏi: Nay Phật vào định nói pháp, khởi lễ xá-lợi, đã có tới lui người trong hội cùng thấy, Thần cây đâu biết Như Lai trụ định chưa xuất mà hết lòng thỉnh ư?

Đáp: Thần Cây đại quyền từ lâu cùng Phật đồng sự (cùng làm việc). Xưa vì Lưu Thủy cứu cá. Thần cây hiện nửa thân chỉ bày đếm số. Trưởng giả đã thành Phật rồi, Thần cây há còn làm phàm phu. Cho nên nay một động một tịnh đều phò Phật giáo, giúp Phật hóa độ, sao chẳng biết có. Huống chi xuất định, nhập định đều có nghi tiết. Phật tuy đứng ngời tới lui, nếu chưa bày tướng xuất định, Thần cây đến thỉnh liền khuyên mới hiện tướng xuất. Tướng ấy là: trước phải lay thân nhẹ, sau mới súc miệng hà hơi, rồi từ từ đứng dậy, mới biết Như Lai chỉ bày tướng xuất định. Cho nên Pháp Hoa an tường mà đứng dậy, kinh này nói phát tiếng mâu nhiệm, cho nên biết định khởi đều có tướng.

Hỏi: Kinh mới dịch nói: Bấy giờ, Bạc-già-phạm vào lúc xế chiều xuất định quan sát đại chúng mà nói tụng rằng:

Pháp mâu Kim quang minh

Hơn hết các kinh vua.

Nay vì sao Chi Sấm nói ba phen khen xong mới nói là xuất định. Hoặc người dịch thấy chẳng đồng còn tập kinh bản Phạm lời văn sao như thế?

Đáp: Bản văn tiếng Phạm không giống còn chẳng biết thì người học làm sao hiểu kinh? Nay thử lược phê bình. Đối với lý nên mong không ẩn riêng. Lại kinh này vị sư xưa bảo là giáo của phương riêng, tức trong nhất thời phó cơ mà nói, cho nên ngài Thiên Thai kết luận là thuộc bộ Phương đẳng. Đây là do cơ chia ra Đại Tiểu, ứng phó quyền Thật. Phó quyền là Tiểu, là khiến thấy Phật từ Định xuất mà nói pháp. Ứng Thật là Đại, cho nên biết Phật ở trong Định mà nói. Cũng như trong Hoa Nghiêm khiến thấy thân nữ mà nhập vào Chánh thọ, còn trong thân nam xuất định mới nói. Khi ấy ứng Phật có khác. Cho nên Tập kinh hoặc nói xuất định mới nói, hoặc bảo nói rồi mới xuất định. Nhưng Phật diệt độ, sau Tập Kinh lại chẳng phải một đường, cũng có kết tập trong hàng ngoài hàng, cũng nói tiếng Phạm có xa có thiết v.v... đến nỗi người dịch kinh thấy tiếng Phạm khác nhau. Như Ngài Chi Sấm có

đến năm xứ Thiên Trúc chắc chắn có thấy bản tiếng Phạm chánh gốc, thấy nói Phật ở trong định mà nói thì sẽ tin nhận kính dịch. Còn Tịnh Sư vốn mở rộng kinh Tiểu Thừa, gặp văn Phạm rất muộn thì thấy Phật xuất định rồi mới nói thì hợp với tông, cho nên biên dịch không thay đổi. Còn nêu chúng Thanh văn, Bồ-tát thì đều nói lúc mặt trời xế bóng thì Phật xuất định, đến chỗ Phật hội. Các sư xưa có suy ra người dịch chưa nhã thì nên tin cũng có. Cho nên việc làm của Thánh Sư ắt không uổng, kẻ phàm phu mới học không xem xét lý do thiếu sót, tìm lỗi thì có lỗi. Người học hiểu mà nghĩ kỹ.

Hỏi: Đại Sư đã y theo bản dịch của Sám, vì sao lại nói nhập vào pháp tánh mà nói ra kinh vua?

Đáp: Như Lai thường ở trong định pháp tánh, ứng cơ thuận vật mà bày tướng nhập định. Tuy tâm đạo trong lý vắng lặng mà miệng nói ra lời ấy. Cho nên gọi là nói ra kinh vua. Bởi tịch chẳng ngại chiếu, nói chẳng ngại định, nên chẳng nói thân ra khỏi định. Đáp thỉnh xuất định, có như sau:

1. Bấy giờ v.v... trở xuống một bài là nói nhà dịch kinh nói xuất định. Bấy giờ là lúc thần cây thỉnh xong, Phật liền bày tướng xuất định. Bèn nói dùng tiếng mầu nhiệm mà khen ngợi, tức tiếng êm ái dịu dàng hai tốt mà làm vui bốn chúng.

2. Lành thay v.v... trở xuống hai bài là nói Phật xuất định khen ngợi, Phật khen Thần cây ý hợp với trước, vì các Bồ-tát và Diệu Tràng khen giáo do Phật nói đều là lời vui. Như Lai trong phẩm tựa v.v... trở xuống nói Đại Thế, Đại Tông, Đại Dụng là ba pháp mầu của Kim quang minh. Cho nên nói ưa nói lời ấy. Nếu chúng sinh nghe ba pháp này thì sẽ phát hiểu, chứng ngộ minh liễu thường trụ. Cho nên nói nhập vào pháp môn Vô sinh cam lộ.

3. Chương An giải thích chung, lại có:

- Y cứ nghĩa Phật khen, có hai:
- Y cứ quả định mà khen nhân, có hai:
- Chánh nói nghĩa khen nhân gồm có:

1. Bày nghĩa. Đây nói v.v... trở xuống là giải thích chung. Văn ấy có bốn. Trước Đại sư chia khoa chỉ có ba đoạn, dùng văn Như Lai xuất định ba hàng hợp với đoạn Thần cây. Cho nên chú là v.v... Nay Chương An giải thích mới là tận lý, văn rất dễ thấy.

2. Dẫn chứng: hai là bày Ấn thành khen giáo. Ba phen Bồ-tát đều trước khen Phật, kế là khen nói giáo, tức khen Như Lai từ phẩm Tựa đến đây là nói Bồ-tát tu nhân Đại Thế, Đại Trí, Đại Dụng của một kinh. Vì

sao? Vì phẩm Tựa nói đạo trong pháp tánh, Phật chỉ chỗ đạo là các vua các kinh ba phen tức là Phật nói Đại thể của một kinh. Thọ Lượng nói quả Thường của Phật, ba phen là Phật nói Đại trí của kinh. Trí tức là tông. Đàm-vô-sám khen phẩm Không, tức Phật nói Đại dụng của kinh từ Tứ vương cho đến phẩm Xả Thân đều là nói Bồ-tát tu nhân. Ba phen khen giáo. Đã khen chỗ Phật nói nên Như Lai xuất định ấn thành. Tức là khen Thần cây mà ưa nói lời ấy.

3. Khen chung ba nghiệp: Chương An nói kinh này Phật xuất định, hay khen người nhân thích nói. Xem lại văn trên của kinh. Cũng có nghĩa quả thân lễ xá-lợi. Xá-lợi, Hán dịch là Cốt phần, tức là Nhân thân này. Phẩm Sám thì Phật khen Đại Sám, phẩm Tán thì Phật khen Long Tôn, là lời nói lớn, đều nói là Đại, là một Sám một Tán v.v... Pháp Tánh Đại Thể, biết tội phước tánh không. Phẩm Tứ Vương năng thính, phẩm Thiên Tập năng nói, phẩm Quý Thần năng nghe, phẩm Xả Thân năng làm. Đều là ưa thuyết, đều năng hiểu giáo Kim Quang Minh. Năng Thuyên Sở Thuyên là ba thứ Thể, Tông, Dụng, tức tất cả ba pháp, cho nên đều gọi ưa nói. Tín Tướng Long Tôn Tứ Vương v.v... đều là người nhân. Cho nên nhân miệng nói ra. Chữ Sằn là hiện, thân, miệng chẳng phải ý chẳng làm cho nên nói Nhậm vận lệ thành.

Kế là Y theo nghĩa xuất định, có hai:

1. Y theo khởi mà hỏi vào, hai là đáp đầu cuối ở định, có hai: một là nói Trụ Định pháp tánh.

Hỏi: Các kinh nói trước phải nhập định, xuất định rồi mới nói, nay vì sao các kinh một bề nói ở trong định mà nói có sở thuyết?

Đáp: Nếu nói về pháp tánh Thượng Định thì đâu có xuất nhập, nói nín khác nhau. Đã bày định ấy là do thuận theo căn cơ chúng sinh. Căn cơ chúng sinh thì ưa thích khác nhau. Các kinh bày đồng là các Phật xưa trước đều nhập định, lý lịch pháp duyên đối trị tán tâm vọng có chỗ nói. Cho nên phải nhập định, xuất định rồi mới nói. Kinh này đầu đuôi ở trong định mà năng nói. Ý đồng hướng về Lý. Lại chỉ bày Kim Quang Minh vô lượng sâu xa tự tại vô ngại, tịch chiếu dung biến. Cho nên nói xuất định rồi ấn thành ba phen, quyết thọ lãnh pháp của Như Lai đã nói.

2. Bày pháp tánh viên dung. Nếu nói nhập vào pháp tánh thì hiển Lý bao gồm chẳng trở ngại ra vào định. Trên nêu pháp tánh vô lượng sâu xa, một xuất một nhập có nói có nín, đâu vượt pháp tánh, cho nên nói pháp tánh tự tại. Nói bốn Phật tức là Phật bốn phương. Năm Phật là kể cả Phật Thích-ca. Đều ở đồng một chỗ, các chỗ v.v... là nhà Tín

Tướng và núi Linh thứu tuy khác nhau nhưng nếu hiểu Duy tâm, chỉ thấy Diệu Độ thì chúng đệ tử là một. Cho nên năm Phật cùng một thân một trí, ấy thì bốn không tới lui, một không đi ở. Do chấp quyền giáo mà chúng đệ tử có khác, nghĩa là Diệu Tràng và Phật ở núi Kỳ đầu cách nhiều dặm. Cho nên bốn Phật năm Phật không chỉ các nơi mà còn thấy thân khác. Trí khác thật tới, thật lui, thật ở. Tuy đây khác nhau mà không lìa pháp tánh. Cho nên tùy người thấy đều không chướng ngại.

Kế là Y cứ quán mà giải thích, có hai: một là nói Sự ba nghiệp cảnh. Nói quán tâm là nêu quán mà giải thích. Trước nói các Bồ-tát khen đủ ba nghiệp là cảnh Diệu quán. Song khen tuy ở miệng, mà thân cũng cung kính, Tâm vẫn tôn trọng. Ba nghiệp đều vận dụng thì nghĩa khen mới thành. Hai là nói Lý ba quán thành, có hai:

1. Nói ở Sự quán Lý. Nói ba quán tâm, là mượn các cảnh như thân v.v... mà bày Không, giả, trung, năng quán ba quán tâm. Gần đây có người giảng chẳng biết liền cho là người sau vọng thêm chữ Tâm, cũng do mê Tâm làm Sở quán, đến nổi lộn xộn thật lắm chẳng thể nói. Nhưng như kinh Thập Lục quán vốn nói quán Phật. Sở nói: Tâm quán làm tông. Có người chẳng thấy ý này bèn đối xuyên tạc. Nay người học phải suy nghĩ kỹ. Quán thân chẳng thật có thân, là trước nói thân quán, chỉ xem xét bốn Đại vốn không thật tánh, gọi là pháp tánh không. Nhưng có danh tự tức là thân tướng. Danh tự có nhiều thứ, đã học sáu Độ, mười Độ v.v... Như thân hành bố thí thì gọi là Đàn, thân lìa các lỗi gọi là Giới, thân chịu Nhục gọi là Nhẫn, thân siêng làm hạnh trước gọi là Tiến, Thân hay an tịnh gọi là Thiền, Thân hiểu thể không gọi là Tuệ, thân làm khéo léo gọi là phương tiện, thân lập thế gọi là nguyện, thân làm lợi ích người khác gọi là Lực. Thân ra khỏi sinh tử gọi là Trí v.v... Cho đến thân thực hành tám muôn trần ra pháp môn. Hành giả tùy thọ danh tự, đạt được danh vô danh gọi là Thân tướng không. Xem xét tánh tướng tuy không, mà sắc tâm các pháp rõ ràng, cho nên không chẳng nhất định không, giả chẳng nhất định giả, chẳng không chẳng giả đều là Diệu tánh chân thật gọi là Hiển Trung Đạo. Quán thân đã thế thì miệng ý lệ theo đây mà hiểu. Hai là nói sự lý thành, có ba: một là nói không có quán đều lỗi, Thân v.v... là cảnh năng phát quán, quán ấy thành cảnh hiện Sự Lý, theo nhau chùi núi vàng thì mới hiểu được.

2. Lấy y vật làm lệ, ba y là Tăng-già-lê, Uất-đa-la-tăng, An-đà-hội, sáu vật là gồm cả Ni-sư-đàn, Bát-đa-la và dây lọc nước. Thế mới biết ngoài sáu không ba, cũng như bốn Thiền, tám Định, ngoài Định không có Thiền. Bởi y tên thì cục vật tên hơi thông. Y là nghĩa ngăn

che, che đây. Bát-đa-la là không ngăn che, nên thông với đặt tên vật. Cũng như Vô sắc bốn xứ thọ tướng lự mất thì chẳng có tên chi lâm vui mừng, cho nên có chung tên Định. Bốn xứ cõi Sắc tuy chung với Tịnh lự, Thọ tướng chuộng hành thì riêng có tên là Thiền. Cho nên hiểu biết thì Sự ba Lý sáu đều sáng, mê muội thì ba, sáu, bốn, tám đều tối. Ba là được Lý đều thành, Cảnh do quán hiển. Lý quán nếu thành thì ba thứ thân, miệng, ý gọi là Diệu sắc tâm, nên cũng gọi là sáu quán, cũng gọi là Sự Lý Thành. Không sáu thì cũng ba, là nhắc trên lệ với giữa. Nếu văn nào chẳng hiểu thì rất dễ thấy.

Xưa, Tiên bửm Đại Sư pháp Trí có soạn ký giải thích Kinh Sở, mới xong mười bảy phẩm thì viên tịch. Phẩm Tán Phật sau cùng thì y kinh sâu xa, sơ lại quá tóm tắt, mà câu nghĩa câu kín chắc chắn cũng khó. Tôi tuy không thông minh nhưng từ lâu cũng đích thân giảng nói bèn thấu nhập các bài nghe cũ mà đặt ở cuối sách, cũng là giúp cho người đọc, há chê là của tặng thêm điều.

